BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 619 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Hướng nghiên cứu chiến lược của Trường Đại học Nha Trang và Hướng nghiên cứu ưu tiên của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2026-2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025; Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 16/08/2023 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 của Hội đồng trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 33/NQ-ĐHNT ngày 12/12/2025 của Hội đồng trường sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-ĐHNT ngày 12/12/2025 của Hội đồng trường về tổ chức bộ máy đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-ĐHNT ngày 29/11/2024 của Hội đồng Trường Đại học Nha Trang ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/ĐU ngày 10/10/2025 của Đảng ủy Trường Đại học Nha Trang về thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng Phòng Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng nghiên cứu chiến lược của Trường Đại học Nha Trang và Hướng nghiên cứu ưu tiên của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2026-2030. Cụ thể như sau:

1. Hướng nghiên cứu chiến lược của Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2026-2030 (chi tiết tại Phụ lục I).

2. Phân bổ hướng nghiên cứu chiến lược cho các đơn vị giai đoạn 2026-2030 (chi tiết tại Phụ lục II).

3. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Trường Thủy sản và Khoa học sự sống (chi tiết tại Phụ lục III).

4. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Trường Kỹ thuật và Công nghệ (chi tiết tại Phụ lục IV).

5. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Trường Kinh tế và Kinh doanh (chi tiết tại Phụ lục V).

6. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Khoa Công nghệ Thông tin (chi tiết tại Phụ lục VI).

7. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Khoa Du lịch (chi tiết tại Phụ lục VII).

8. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (chi tiết tại Phụ lục VIII).

9. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Khoa Ngoại ngữ (chi tiết tại Phụ lục IX).

10. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy (chi tiết tại Phụ lục X).

11. Hướng nghiên cứu ưu tiên và chỉ tiêu then chốt của Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến thực phẩm (chi tiết tại Phụ lục XI).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các trưởng đơn vị, viên chức, người lao động của Trường Đại học Nha Trang và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- ĐU (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, VPT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Quách Hoài Nam

Phụ lục I

HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

TT	Hướng nghiên cứu chiến lược	Lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên
1	**Khoa học và công nghệ biển**	Hệ thống thông minh (tự động hóa) ứng dụng trong năng lượng và khoa học công nghệ biển và thủy sản *
		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong kết cấu thông minh công trình ven biển *
		Nghiên cứu phát triển công nghệ, kỹ thuật và vật liệu tiên tiến phục vụ chế tạo thiết bị ngành thủy sản *
		Nghiên cứu hiện đại hoá tàu cá phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển
2	**Chuỗi giá trị thủy sản**	Phát triển công nghệ khai thác thủy sản thông minh gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản
		Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống và sản xuất giống thủy sản phục vụ nuôi biển công nghiệp *
		Phát triển công nghệ chế biến thủy sản tiên tiến theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng
		Marketing trong lĩnh vực thủy sản
3	**Kinh tế biển**	Kinh tế và chính sách phát triển bền vững thuỷ sản Việt Nam
		Chuyển đổi số - Tài chính - Phát triển bền vững trong kinh tế biển
		Phát triển du lịch biển xanh và bền vững
		Phát triển kho dữ liệu lớn ứng dụng cho lĩnh vực khoa học biển và thủy sản ở Việt Nam *
		Nghiên cứu các vấn đề về luật biển và luật Thủy sản

** Lĩnh vực thuộc danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ.*

Phụ lục II

PHÂN BỔ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC CHO CÁC ĐƠN VỊ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

TT	Hướng nghiên cứu chiến lược/Đơn vị thực hiện	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống	Trường Kỹ thuật và Công nghệ	Trường Kinh tế và Kinh doanh	Khoa Công nghệ Thông tin	Khoa Du lịch	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Khoa Ngoại ngữ **	Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy	Trung tâm Nghiên cứu và Chế biến thực phẩm	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao
1	Khoa học và công nghệ biển	X	X	X	X			X	X		X
2	Chuỗi giá trị thủy sản	X		X	X			X	X	X	X
3	Kinh tế biển	X	X	X	X	X	X	X	X		X

** *Khoa Ngoại ngữ nghiên cứu xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, giảng viên nhằm hỗ trợ xuất bản quốc tế.*

Phụ lục III

TRƯỜNG THỦY SẢN VÀ KHOA HỌC SỰ SỐNG

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Công nghệ sinh học và sản xuất giống thủy sản
- Công nghệ nuôi biển và hệ thống nuôi thông minh
- Công nghệ môi trường và phát triển bền vững thủy sản
- Công nghệ chế biến và nâng cao giá trị thủy sản
- Khoa học dữ liệu và chuyển đổi số trong thủy sản
- Kinh tế, chính sách và phát triển chuỗi giá trị thủy sản

2. Mục tiêu

- Xây dựng Trường Thủy sản và Khoa học sự sống trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về nuôi biển công nghiệp và công nghệ thủy sản tại Việt Nam
- Hình thành các nhóm nghiên cứu
- Tăng cường công bố quốc tế và chuyển giao công nghệ
- Gắn nghiên cứu với đào tạo và doanh nghiệp
- Gắn nghiên cứu với các đối tác quốc tế
- Tăng cường trao đổi giảng viên và sinh viên quốc tế

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	5	6	7	8	9	**35**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	29	31	35	40	45	**180**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	4	4	4	4	4	**20**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	4	4	4	4	4	**20**
1.5	Đề tài sinh viên	29	31	35	40	45	**180**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố	103	107	114	120	126	**570**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	54	55	58	60	63	**290**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	0,82	0,85	0,90	0,95	1,00	**0,90**
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	0,43	0,44	0,46	0,48	0,50	**0,46**
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	9	9	9	9	9	**45**
2.6	Có khả năng chuyển giao	-	-	-	-	-	**-**
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	2	2	2	2	2	**10**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	1	1	1	1	2	**6**

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	4	4	4	4	4	**20**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	8	8	8	8	8	**40**
5.2	Đào tạo thạc sĩ	50	50	50	50	50	**250**
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	18	18	18	18	18	**90**
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	4	4	4	4	4	**20**
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	12	12	12	12	12	**60**

Ghi chú:

** Dữ liệu năm 2026 dựa trên KPI phân công của Trường Đại học Nha Trang cho Trường Thủy sản và Khoa học sự sống*

Phụ lục IV

TRƯỜNG KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Hiện đại hoá tàu cá Việt Nam phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và vận hành hệ thống nuôi trồng thủy sản trên biển thông minh tại tỉnh Khánh Hòa theo hướng hiện đại, an toàn, hiệu quả, thân thiện môi trường.
- Nhà máy thủy sản thông minh

2. Mục tiêu

- Xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ phục vụ hiện đại hóa đội tàu cá Việt Nam theo hướng hiệu quả, an toàn, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.
- Xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và vận hành hệ thống khung lồng nuôi thủy sản trên biển thông minh tại tỉnh Khánh Hòa theo hướng hiện đại, an toàn, hiệu quả, thân thiện môi trường và có khả năng triển khai thực tiễn.
- Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các mô đun thiết bị công nghệ cao cho nhà máy chế biến thủy sản thông minh, đóng góp vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh quốc tế của ngành thủy sản Việt Nam.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	2	3	3	3	3	**14**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	5	10	15	15	15	**60**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	2	3	3	3	3	**14**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	-	1	-	1	-	**2**
1.5	Đề tài sinh viên	10	18	20	20	20	**88**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố	12	15	15	20	20	**82**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	8	10	10	12	12	**52**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	-	-	-	-	-	-
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	-	-	-	-	-	-
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	2	-	3	3	**8**
2.6	Có khả năng chuyển giao	-	-	-	-	2	**2**
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	3	6	6	6	6	**27**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
3.1	Nhóm nghiên cứu	3	-	-	-	-	**3**
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	2	3	3	3	3	**14**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	2	2	2	3	3	**12**
5.2	Đào tạo thạc sĩ	5	10	10	10	15	**50**
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	2	5	5	10	10	**32**
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	2	3	3	5	5	**18**
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	10	15	15	20	20	**80**

Phụ lục V

TRƯỜNG KINH TẾ VÀ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Kế toán - tài chính cho phát triển bền vững; Kiểm toán và đảm bảo trong bối cảnh số hóa; Chuyển đổi số trong kế toán - kiểm toán.
- Fintech & Ngân hàng số; Tài chính bền vững và Quản trị theo tiêu chuẩn ESG; Ổn định tài chính & Kinh tế vĩ mô; Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại.
- Tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn; Phát triển bền vững ngành thủy sản; Chuyển đổi số trong kinh tế và quản trị chuỗi thủy sản.
- Hành vi người tiêu dùng và marketing bền vững; Quản trị công ty và phát triển nguồn nhân lực; Kinh doanh quốc tế và chuỗi giá trị bền vững.

2. Mục tiêu

Xây dựng và tạo lập vị thế trong đào tạo và NCKH về lĩnh vực Kinh tế và Kinh doanh tại miền Trung và Tây Nguyên thông qua:

- Gia tăng công bố quốc tế và đề tài KHCN, đặc biệt chú trọng lĩnh vực thủy sản và kinh tế biển;
- Duy trì và tiếp tục mở các ngành đào tạo Tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển (2026-2027), Quản lý kinh tế (2028-2029) và Tài chính - Ngân hàng (2028-2029), đồng thời gắn kết nghiên cứu với đào tạo sau đại học;
- Nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học và giải quyết các bài toán thực tiễn của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh						
1.2	Đề tài cấp trường (GV)**	11	13	16	20	25	**85**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp			1	1	1	**3**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế			1	1	1	**3**
1.5	Đề tài sinh viên***	11	13	17	21	23	**85**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố	68	72	79	87	94	**400**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	30	32	35	39	44	**180**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	-	-	-	-	-	-
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	0.34	0.37	0.40	0.45	0.51	
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	-	-	-	-	-
2.6	Có khả năng chuyển giao	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	1	0	1	0	1	**3**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu		1	1	1		**3**
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	-	-	-	-	-	-
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	4	5	6	7	8	**30**
5.2	Đào tạo thạc sĩ	105	115	125	140	150	**635**
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	-	-	-	-	-	-
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

**Dữ liệu năm 2026 dựa trên KPI phân công của Trường Đại học Nha Trang cho Trường Kinh tế và kinh doanh;*

***Số lượng gia tăng Đề tài cấp trường hàng năm dựa vào số lượng gia tăng BBQT (WoS/Scopus)*

****Số lượng gia tăng Đề tài SV dựa vào gia tăng công bố khoa học trong nước.*

Phụ lục VI
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Dữ liệu lớn và nền tảng dữ liệu biển - thủy sản
- Trí tuệ nhân tạo và học máy ứng dụng
- IoT, AIoT và điện toán biên
- Ontology, Knowledge Graph và công nghệ ngữ nghĩa
- Hệ thống thông tin, an toàn dữ liệu và quản trị số

2. Mục tiêu

- Hình thành hạt nhân nghiên cứu và phát triển nền tảng số của Trường Đại học Nha Trang trong lĩnh vực khoa học biển và thủy sản;

- Phát huy thế mạnh của Khoa CNTT về dữ liệu lớn, AI, IoT và công nghệ ngữ nghĩa để tạo ra các kết quả nghiên cứu có chất lượng, có khả năng công bố quốc tế, sở hữu trí tuệ và chuyển giao cho doanh nghiệp, địa phương.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	-	-	-	1	1	**2**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	3	4	4	4	4	**19**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	-	-	-	-	-	**-**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	**-**	-	**-**	-	**-**	**-**
1.5	Đề tài sinh viên	4	6	7	8	9	**34**
1.6	Không gian nghiên cứu "Dữ liệu và AI biển"	1	-	-	-	-	**1**
1.7	Marine DataHub dùng chung	-	-	1	-	-	**1**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố						
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	6	7	8	9	10	**40**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	-	1	1	1	**3**
2.6	Có khả năng chuyển giao						
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	1	1	1	2	2	**7**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	1	1	1	-	**-**	**3**

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	-	1	1	1	2	**5**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	4	7	7	7	**25**
5.2	Đào tạo thạc sĩ	-	-	1	0	1	**2**
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	-	-	-	-	-	-
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

**Dữ liệu năm 2026 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch và định mức phân công của Trường Đại học Nha Trang đối với Khoa Công nghệ thông tin.*

Phụ lục VII
KHOA DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Phát triển sản phẩm và mô hình du lịch biển xanh, bền vững
- Hành vi của cộng đồng và du khách trong bối cảnh du lịch biển xanh
- Quản trị điểm đến và trách nhiệm xã hội trong phát triển du lịch biển bền vững

2. Mục tiêu

Nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho phát triển du lịch biển theo định hướng xanh và bền vững, thông qua:

- Thiết kế và đổi mới sản phẩm du lịch thân thiện môi trường;
- Phân tích hành vi, nhận thức và mức độ sẵn sàng tham gia của du khách và cộng đồng địa phương;
- Đề xuất các mô hình quản trị điểm đến và thực thi trách nhiệm xã hội hiệu quả.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu hướng đến việc kiến tạo hệ sinh thái du lịch biển có khả năng cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị trải nghiệm, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững tại các điểm đến ven biển.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	1	1	1	1	1	**5**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	2	2	2	2	2	**10**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp				1		**1**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế					1	**1**
1.5	Đề tài sinh viên	5	5	6	6	6	**23**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố	14	14	16	16	16	**76**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	4	4	6	6	6	**23**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	0,82	0,82	0,84	0,84	0,84	**0,84**
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	0,24	0,24	0,32	0,32	0,32	**0,32**
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	-	-	-	-	-
2.6	Có khả năng chuyển giao	-	-	-	-	-	-
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	1	1	1	1	1	**5**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	1	1	1	1	1	**5**
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						

STT	Chỉ tiêu	2026*	2027	2028	2029	2030	Tổng
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	1		1			**2**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	3	4	4	5	**16**
5.2	Đào tạo thạc sĩ	20	20	20	20	20	**100**
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	2	2	3	3	3	**13**
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	1	1	2	2	2	**8**
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	3	3	4	4	4	**18**

Ghi chú:

**Dữ liệu năm 2026 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch và định mức phân công của Trường Đại học Nha Trang đối với Khoa Du lịch.*

Phụ lục VIII

KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Pháp luật, thể chế phát triển kinh tế biển và thủy sản
- Pháp luật, chính sách trong chuyển đổi số và kinh tế số
- Chính sách công và quản trị phát triển kinh tế biển bền vững
- Nghiên cứu xã hội và tác động chính sách trong phát triển kinh tế biển

2. Mục tiêu

Phát triển Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn trở thành đơn vị nghiên cứu khoa học xã hội có năng lực cung cấp luận cứ khoa học, khuyến nghị chính sách và giải pháp pháp lý phục vụ phát triển kinh tế biển, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	-	1	1	1	2	**5**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	5	5	5	5	5	**25**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	-	-	-	1	1	**2**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	-	-	-	-	1	**1**
1.5	Đề tài sinh viên	5	5	5	5	5	**25**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Bài báo trên tạp chí khoa học trong nước (tạp chí uy tín)	20	20	20	20	20	**100**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	4	4	4	4	4	**20**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	-	-	-	-	-	-
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	-	-	-	-	-	-
2.5	Sách chuyên khảo/tham khảo/giáo trình	1	1	2	2	2	**8**
2.6	Báo cáo tư vấn chính sách	1	1	2	2	2	**8**
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế					1	**1**
2.8	Hội thảo liên ngành cấp trường	1	1	1	1	1	**5**
2.9	Hội thảo cấp khoa	1	1	1	1	1	**5**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	1	-	1	-	1	**3**
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	-	-	-	-	-	-
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
5.2	Đào tạo thạc sĩ	-	-	-	-	-	-
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	-	-	-	-	-	-
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	-	-	-	-	-	-

Phụ lục IX
KHOA NGOẠI NGỮ
(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Nghiên cứu về dạy và học tiếng Anh
- Nghiên cứu về ngôn ngữ học ứng dụng
- Nghiên cứu về giao tiếp liên văn hóa và năng lực toàn cầu

2. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của ngành Ngôn ngữ Anh theo hướng có trọng tâm, có chất lượng, gắn với đào tạo và thực tiễn, từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên và sinh viên, tăng cường công bố khoa học, phát triển nhóm nghiên cứu, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước, và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành trong giai đoạn 2026-2030.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	-	-	-	-	-	-
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	3	3	4	4	5	**19**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	-	-	-	1	1	**2**
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	-	-	-	-	-	-
1.5	Đề tài sinh viên	2	3	3	4	4	**16**
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Tổng số công bố	25	25	26	26	26	**128**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	2	3	4	5	6	**20**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	0,80	0,80	0,83	0,83	0,83	**0,82**
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	0,06	0,09	0,13	0,16	0,19	**0,13**
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	-	-	-	-	-
2.6	Có khả năng chuyển giao	-	-	-	-	-	-
2.7	Số Hội thảo quốc gia/quốc tế	3	3	4	4	5	**19**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	-	-	-	-	-	-
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	-	-	-	-	-	-
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
5.2	Đào tạo thạc sĩ	-	-	-	-	-	-
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	3	3	3	3	3	**15**
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	2	2	3	3	3	**13**
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	2	2	2	2	2	**10**

Phụ lục X

VIỆN NGHIÊN CỨU CHẾ TẠO TÀU THỦY

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Hiện đại hóa tàu thủy theo hướng xanh và thông minh
- Cơ giới hóa và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản
- Vật liệu mới và công nghệ tính toán hiện đại

2. Mục tiêu

Xây dựng Viện trở thành đơn vị nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực tàu thủy và công nghệ biển thông qua: Gia tăng số lượng và chất lượng công bố khoa học; Phát triển các đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và hợp tác doanh nghiệp; Gắn kết nghiên cứu với đào tạo và chuyển giao công nghệ; Tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị ứng dụng thực tiễn.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	1	1	1	1	1	**5**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	1	1	1	1	1	**5**
1.3	Đề tài hợp tác với doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
1.4	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	-	-	-	-	-	-
1.5	Đề tài sinh viên	-	-	-	-	-	-
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Bài báo trên tạp chí khoa học trong nước (tạp chí uy tín)	1	1	1	1	1	**5**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	1	1	1	1	1	**5**
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	-	-	-	-	-	-
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	-	-	-	-	-	-
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ	-	-	1	1	-	**2**
2.6	Có khả năng chuyển giao						
2.7	Hội thảo khoa học cấp Viện	1	1	1	1	1	**5**
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	-	1	-	-	-	**1**
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	1	1	1	1	1	**5**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
5.2	Đào tạo thạc sĩ	-	-	-	-	-	-
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	-	-	-	-	-	-
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	-	-	-	-	-	-

Phụ lục XI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên

- Chế biến, bảo quản thực phẩm biển và ứng dụng công nghệ sinh học/enzyme để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Phát triển các hợp chất sinh học (collagen, peptide, dầu cá...) từ phụ phẩm thủy sản.
- Phát triển thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng đặc thù và các dòng sản phẩm "xanh".

2. Mục tiêu

Xây dựng Trung tâm trở thành đơn vị nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thực phẩm có uy tín của Trường Đại học Nha Trang, từng bước khẳng định vai trò trong khu vực Nam Trung Bộ và cả nước thông qua:

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và tạo ra các sản phẩm thực phẩm có giá trị gia tăng cao, đặc biệt từ nguồn lợi thủy sản và tài nguyên biển;
- Gắn kết nghiên cứu với sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm;
- Gia tăng số lượng và chất lượng công bố khoa học, đề tài khoa học công nghệ và nhiệm vụ hợp tác với doanh nghiệp;
- Phát huy vai trò của Trung tâm trong hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập, nghiên cứu cho giảng viên, học viên và sinh viên;
- Từng bước xây dựng mô hình hoạt động tự chủ, đóng góp nguồn thu và nâng cao vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực khoa học công nghệ thực phẩm.

3. Các chỉ tiêu then chốt

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	**Đề tài, dự án khoa học các cấp**						
1.1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh/Doanh nghiệp	1	1	1	1	1	**5**
1.2	Đề tài cấp trường (GV)	-	-	-	-	-	-
1.3	Đề tài/dự án hợp tác nước ngoài hoặc đối tác quốc tế	-	-	-	-	-	-
1.4	Đề tài sinh viên	-	-	-	-	-	-
II	**Số bài báo khoa học, sở hữu trí tuệ, hội thảo quốc gia/quốc tế**						
2.1	Bài báo trên tạp chí khoa học trong nước (tạp chí uy tín)	1	1	1	1	1	**5**
2.2	Tổng số công bố WoS/Scopus/BBQT khác	-	-	-	-	-	-
2.3	Tỷ lệ công bố/GV	-	-	-	-	-	-
2.4	Tỷ lệ công bố WoS, Scopus/GV	-	-	-	-	-	-
2.5	Số hồ sơ đăng ký (bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích) từ các sản	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
	phẩm KHCN được chấp nhận hợp lệ						
2.6	Quy trình công nghệ & Sản phẩm mới	2	2	2	2	2	**10**
2.7	Hội thảo khoa học cấp Viện	-	-	-	-	-	-
III	**Số nhóm nghiên cứu**						
3.1	Nhóm nghiên cứu	-	-	-	-	-	-
IV	**Số hợp đồng chuyển giao công nghệ**						
4.1	Hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai	2	2	2	2	2	**10**
V	**Số học viên cao học, nghiên cứu sinh được đào tạo**						
5.1	Đào tạo NCS	-	-	-	-	-	-
5.2	Đào tạo thạc sĩ	-	-	-	-	-	-
VI	**Số lượt GV, SV tham gia các khóa tập huấn, hội nghị/hội thảo và trao đổi**						
6.1	Số lượt GV tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo, trao đổi hợp tác, NCKH ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-
6.2	Số GV quốc tế tham gia giảng dạy ngắn hạn, dài hạn, nghiên cứu khoa học tại Trường	-	-	-	-	-	-
6.3	Số lượt sinh viên tham gia các chương trình trao đổi tín chỉ, thực tập, giao lưu văn hoá, tập huấn, bồi dưỡng quốc tế	-	-	-	-	-	-